

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Ngô Hữu Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Bà Trần Thị Bích Phương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Ông Hồ Chương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hoàng Sơn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Ông Tiêu Văn Hòa	Thành viên
Ông Trần Phước Cao	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Bà Vũ Thị Thanh Mai	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016)
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016)
Ông Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

125
HI N
CÓN
HNH
ELI
VIỆ
- T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

0-00
HÁN
G TY
EM HƯ
DIT
I NA
P. HỒ

Số: 126 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (“MSH”) với giá trị khoản đầu tư và dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 31.424.433.000 đồng và 7.106.421.272 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 17.453.937.000 đồng và 7.106.421.272 đồng). Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo này, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của MSH cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được lập nên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính thích hợp của MSH để đánh giá số dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận bởi Công ty. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

2-C.T.C
U HẠNG
I E D
CHÍNH

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Minh Thao
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.019.944.452	65.867.708.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.658.475.793	5.764.631.916
1. Tiền	111	4	8.658.475.793	5.764.631.916
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.284.045.307	53.435.307.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.467.159.348	2.919.343.005
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		56.460.549	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	5.680.609.722	2.354.970.711
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	54.371.694.616	51.403.050.782
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.291.878.928)	(3.242.056.652)
III. Hàng tồn kho	140		1.034.321.377	1.026.111.613
1. Hàng tồn kho	141	9	1.034.321.377	1.026.111.613
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.043.101.975	5.641.657.517
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.028.029.412	2.506.080.471
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.072.563	13.708.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	3.121.868.119
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		323.597.259.230	280.087.201.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		886.475.009	1.363.032.771
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	886.475.009	1.363.032.771
II. Tài sản cố định	220		205.709.929.377	185.637.954.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	187.391.383.377	167.319.408.699
- Nguyên giá	222		249.654.284.664	232.117.489.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.262.901.287)	(64.798.081.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.318.546.000	18.318.546.000
- Nguyên giá	228		18.318.546.000	18.318.546.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		114.796.863.858	92.817.237.949
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	98.700.000.000	90.320.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	32.104.433.000	18.133.937.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(16.007.569.142)	(15.636.699.051)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.203.990.986	268.975.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.203.990.986	268.975.888
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		394.617.203.682	345.954.910.199

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

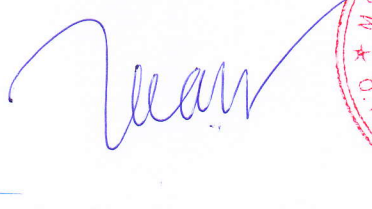
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016		31/12/2015	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		284.326.511.042		246.065.602.408	
I. Nợ ngắn hạn	310		122.962.616.595		93.304.696.583	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	7.567.359.071		3.405.953.568	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		362.028.000		894.397.500	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.936.395.731		507.623.152	
4. Phải trả người lao động	314		4.843.744.894		5.440.653.295	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.518.615.533		210.000.000	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	33.512.870.599		13.531.094.481	
7. Vay ngắn hạn	320	19	73.018.134.767		69.112.286.987	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		203.468.000		202.687.600	
II. Nợ dài hạn	330		161.363.894.447		152.760.905.825	
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	50.841.998.173		51.366.296.885	
2. Vay dài hạn	338	20	110.521.896.274		101.394.608.940	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.290.692.640		99.889.307.791	
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	110.290.692.640		99.889.307.791	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.792.610.000		92.792.610.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.792.610.000		92.792.610.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289.330.000		289.330.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		166.650.000		166.650.000	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.042.102.640		6.640.717.791	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.848.271.434		3.103.896.944	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		11.193.831.206		3.536.820.847	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		394.617.203.682		345.954.910.199	


Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	11.920.379.648	(532.161.674)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.345.560.336	11.750.358.988
Các khoản dự phòng	03	420.692.367	6.300.640.926
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.255.734.266)	(3.401.781.425)
Chi phí lãi vay	06	8.158.256.119	6.494.520.338
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.589.154.204	20.611.577.153
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(12.974.465.503)	625.434.186
Tăng hàng tồn kho	10	(8.209.764)	(239.284.033)
Tăng các khoản phải trả	11	26.955.445.533	19.950.176.943
Tăng chi phí trả trước	12	(1.456.964.039)	(619.659.659)
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.055.640.586)	(6.511.337.447)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(799.219.600)	(730.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.250.100.245	33.086.907.143
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(42.291.288.140)	(17.277.688.944)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	6.792.866.953	5.690.018.187
3. Tiền chi cho vay	23	(5.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	2.450.918.751	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(16.754.433.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.523.738	11.314.592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.328.978.698)	(28.230.789.165)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	74.399.798.097	71.183.231.783
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.265.753.892)	(65.833.878.024)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(161.321.875)	(5.314.684.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.972.722.330	34.668.934
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	2.893.843.877	4.890.786.912
Tiền đầu kỳ	60	5.764.631.916	2.010.197.613
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	8.658.475.793	6.900.984.525

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là “MLC”, tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty là “MNC”, bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là “MLG”) là cổ đông chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.224 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.112) người.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các chi nhánh, công ty con và công ty con gián tiếp sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ	
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch	92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	
Tên công ty con trực tiếp	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Số 206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28 - Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Số 232, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Số 97D, Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Số 147, Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Dịch vụ taxi



Tên công ty con gián tiếp	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thành Đô Huế	Nam Vĩ Dạ, Phường Vĩ Dạ, Thành phố Huế	Dịch vụ taxi

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty hoạt động bình thường và không có sự kiện phát sinh ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, ngoại trừ các thay đổi vốn đầu tư vào công ty con và các đơn vị khác như trình bày tại Thuyết minh số 13 và 14.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 bên dưới.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê:

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



Công ty là bên đi thuê:

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ khác được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

01/25
CHI
CÔ
CH NH
DEL
VI
1 - T

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

4. TIỀN

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt	866.592.093	911.428.791
Tiền gửi ngân hàng	7.791.883.700	4.853.203.125
	<u>8.658.475.793</u>	<u>5.764.631.916</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	-	705.970.320
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.467.159.348	2.213.372.685
	<u>2.467.159.348</u>	<u>2.919.343.005</u>

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Cho vay ngắn hạn	5.680.609.722	2.354.970.711
Cho vay dài hạn	886.475.009	1.363.032.771
	<u>6.567.084.731</u>	<u>3.718.003.482</u>

Chi tiết các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

<u>Đối tượng</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Số tiền</u>
Ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	12 tháng	1%/tháng	1.354.970.711
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	12 tháng	1%/tháng	1.000.000.000
Ông Hồ Văn Dũng - Mai Linh Quảng Bình	3 tháng	0,75%/tháng	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	1-2 tháng	0,75%/tháng	1.208.681.495
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	1 tháng	0,83%/tháng	116.957.516
			<u>5.680.609.722</u>
Dài hạn			
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	48 tháng	0,83%/tháng	537.685.860
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	48 tháng	0,83%/tháng	348.789.149
			<u>886.475.009</u>

Các khoản cho vay ngắn hạn tín chấp để tài trợ vốn lưu động. Các khoản cho vay dài hạn để đầu tư xe taxi và được đảm bảo bằng các xe taxi này.

00-002-
 HANH
 G TY
 EM HUU
 OITTE
 I NAM
 P. HO C

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên của Công ty (*)	25.501.323.972	11.605.684.733
Công ty thành viên trong Tập đoàn Mai Linh (*)	26.386.107.337	18.508.428.594
Công ty Cổ Phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (bên liên quan)	-	19.970.496.000
Tạm ứng	1.966.630.947	722.806.063
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.074.000	301.074.000
Các khoản phải thu khác	216.558.360	294.561.392
	<u>54.371.694.616</u>	<u>51.403.050.782</u>

(*) Chi tiết các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh số 31.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong kỳ này và năm trước:

	<u>VND</u>
Số dư tại 01/01/2015	2.190.203.210
Trích dự phòng trong năm	1.051.853.442
Số dư tại 31/12/2015	<u>3.242.056.652</u>
Trích dự phòng trong kỳ	49.822.276
Số dư tại 30/6/2016	<u>3.291.878.928</u>

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán có giá trị lớn bao gồm:

Đối tượng nợ	Thời gian quá hạn	Tại ngày 30/6/2016		Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>
		Giá gốc	Dự phòng	
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	Trên 3 năm	3.128.861.729	3.128.861.729	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh (*)	Từ 2 - 3 năm	1.357.867.543	-	1.357.867.543
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam (*)	Từ 1 - 2 năm	2.297.818.727	-	2.297.818.727

(*) Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để thu hồi khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh và Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam. Theo đó, Công ty không xem xét trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm vỏ xe, vật tư, phụ tùng thay thế, phiếu mua hàng và các loại thẻ dùng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô và phục vụ hoạt động thương mại và quảng cáo.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	2.028.029.412	2.506.080.471
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	129.813.284	1.249.448.965
Chi phí bảo hiểm	1.226.377.260	182.022.942
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	671.838.868	1.074.608.564
b. Dài hạn	2.203.990.986	268.975.888
Vật tư xuất dùng	2.203.990.986	268.975.888
	<u>4.232.020.398</u>	<u>2.775.056.359</u>



11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	3.692.132.322	164.432.113	228.260.925.264	232.117.489.699
Tăng trong kỳ	-	-	42.291.288.140	42.291.288.140
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(24.754.493.175)	(24.754.493.175)
Tại ngày 30/6/2016	<u>3.692.132.322</u>	<u>164.432.113</u>	<u>245.797.720.229</u>	<u>249.654.284.664</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	1.970.911.153	164.432.113	62.662.737.734	64.798.081.000
Khấu hao trong kỳ	105.666.000	-	15.239.894.336	15.345.560.336
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.880.740.049)	(17.880.740.049)
Tại ngày 30/6/2016	<u>2.076.577.153</u>	<u>164.432.113</u>	<u>60.021.892.021</u>	<u>62.262.901.287</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2016	<u>1.615.555.169</u>	<u>-</u>	<u>185.775.828.208</u>	<u>187.391.383.377</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.721.221.169</u>	<u>-</u>	<u>165.598.187.530</u>	<u>167.319.408.699</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 185.775.828.208 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 165.598.187.530 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình bao gồm giá trị của các phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các cá nhân hợp tác kinh doanh và cho vay đầu tư xe khi hợp đồng đáo hạn là 83.291.024.495 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 22.076.242.274 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 617.366.266 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 617.366.266 đồng).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của hai (02) lô đất sau:

- Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - Thành phố Đà Nẵng có diện tích 12.594,80 m² với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng như trình bày tại Thuyết minh số 19.
- Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với số tiền 936.000.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng như trình bày tại Thuyết minh số 19.



13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu vào công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	20.980.000.000	(1.144.831.137)	12.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	(840.262.520)	3.800.000.000	(1.276.574.643)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	19.120.000.000	-	19.120.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	3.600.000.000	(552.362.811)	3.600.000.000	(735.861.127)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	6.800.000.000	(6.363.691.402)	6.800.000.000	(6.517.842.009)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
	98.700.000.000	(8.901.147.870)	90.320.000.000	(8.530.277.779)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Quảng Bình	99,94%	99,94%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Huế	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Hội An	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Bình Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Phú Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Gia Lai	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Kon Tum	100%	100%	Dịch vụ taxi

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2016, Công ty nhận chuyển nhượng vốn của Ông Hồ Văn Dũng tại Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (công ty con) với giá trị chuyển nhượng là 8.380.000.000 đồng. Theo đó, Công ty nắm giữ 99,94% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 75%).

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	31.424.433.000	(7.106.421.272)	17.453.937.000	(7.106.421.272)
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	680.000.000	-	680.000.000	-
	32.104.433.000	(7.106.421.272)	18.133.937.000	(7.106.421.272)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty được đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
MSH (*) Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Khánh Hòa Đà Nẵng	13,64 10	13,64 10	Dịch vụ taxi Dịch vụ taxi

(*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 56/2015/BBHĐQTMLMT ngày 02 tháng 11 năm 2015 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH"), Công ty đã chuyển nhượng 1.872.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) cho Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (bên liên quan) với giá trị chuyển nhượng là 19.970.496.000 đồng. Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 56/2015/HĐCNCP ký với Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng vào ngày 02 tháng 11 năm 2015. Sau khi chuyển nhượng, tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ tại MSH là 5,78% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty ký thỏa thuận với Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng để thu hồi lại 1.872.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) có giá trị là 19.970.496.000 đồng. Ngoài ra, tại ngày 29 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển nhượng lại 480.000 cổ phần của MSH (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) có giá trị là 6.000.000.000 đồng cho Công ty TNHH Mai Linh Hội An (công ty con). Theo đó, tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết Công ty nắm giữ tại MSH là 13,64% tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ đầu tư trực tiếp và gián tiếp (thông qua các công ty con) của Công ty vào MSH là 27,61%. Tuy nhiên, theo thỏa thuận giữa các bên, Công ty đã nhường quyền biểu quyết cho MLG (công ty mẹ của cả tập đoàn và là cổ đông chính của MSH) và Công ty không tham gia vào ban điều hành cũng như việc hoạch định chính sách của MSH. Như vậy, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể tại MSH. Theo đó, khoản đầu tư vào MSH được phân loại là khoản đầu tư dài hạn khác.

15. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ (*)	(840.262.520)	(1.276.574.643)
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (*)	(1.144.831.137)	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên (*)	(552.362.811)	(735.861.127)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai (*)	(6.363.691.402)	(6.517.842.009)
MSH (**)	(7.106.421.272)	(7.106.421.272)
	<u>(16.007.569.142)</u>	<u>(15.636.699.051)</u>

(*) Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con như sau:

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 30/6/2016	Vốn CSH của đơn vị nhận đầu tư theo BCTC	Vốn thực góp của đơn vị nhận đầu tư tại 30/6/2016	Dự phòng tại 30/6/2016
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	100%	2.995.949.950	3.800.000.000	(840.262.520)
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	99,94%	15.654.487.010	16.800.000.000	(1.144.831.137)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	100%	3.047.637.189	3.600.000.000	(552.362.811)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	100%	436.308.598	6.800.000.000	(6.363.691.402)

00-02
 NHẬN
 G TỶ
 HEM HỮ
 OIT
 T NA
 P.HC

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của MSH cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được lập nên Ban Tổng Giám đốc Công ty không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính của MSH làm cơ sở lập dự phòng đầu tư tài chính. Theo đó, số dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào MSH chưa được tính toán lại theo vốn chủ sở hữu thực có của MSH tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh số 31)	2.409.001.562	1.031.664.562
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	419.470.920	387.123.660
Phải trả người bán ngắn hạn khác	4.738.886.589	1.987.165.346
	<u>7.567.359.071</u>	<u>3.405.953.568</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp, cần trừ trong kỳ	30/6/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	180.562.500	5.089.822.049	3.778.480.934	1.491.903.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	726.548.442	559.126.115	167.422.327
Thuế thu nhập cá nhân	267.435.652	1.033.442.168	1.022.808.031	278.069.789
Các loại thuế khác	59.625.000	12.850.000	73.475.000	(1.000.000)
	<u>507.623.152</u>	<u>6.862.662.659</u>	<u>5.433.890.080</u>	<u>1.936.395.731</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	33.512.870.599	13.531.094.481
Kinh phí công đoàn	109.249.513	92.931.794
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.401.402.887	921.687.146
Phải trả cho các công ty thành viên của Công ty	11.208.998.595	5.079.732.066
Phải trả các công ty thành viên trong MLG	6.349.016.825	397.106.355
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	373.644.171	484.609.180
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	2.297.343.400	1.910.257.625
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.333.288.625	2.494.610.500
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	8.626.500.000	1.424.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	813.426.583	* 725.659.815
b. Dài hạn	50.841.998.173	51.366.296.885
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (**)	11.331.498.173	10.333.796.885
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	39.510.500.000	41.032.500.000
	<u>84.354.868.772</u>	<u>64.897.391.366</u>

(*) Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh thể hiện khoản tiền ký quỹ không có lãi suất từ các chủ đầu tư liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi.

(**) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất từ các nhân viên lái xe khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ, ký cược này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc; và các khoản ký quỹ mở thẻ "Mailinh Customer Club" ("MCC") của khách hàng.

VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	25.456.782.803	25.456.782.803	38.184.126.860	38.505.055.831	25.135.853.828	25.135.853.828
Vay ngắn hạn cá nhân	7.701.000.000	7.701.000.000	3.290.000.000	4.130.000.000	6.861.000.000	6.861.000.000
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	25.646.104.004	25.646.104.004	19.919.860.504	13.513.785.500	32.052.179.008	32.052.179.008
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	10.308.400.180	10.308.400.180	3.413.162.608	4.752.460.861	8.969.101.931	8.969.101.931
	69.112.286.987	69.112.286.987	64.807.149.972	60.901.302.192	73.018.134.767	73.018.134.767

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho kinh doanh. Các khoản vay này được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và các phương tiện vận tải của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 12. Các khoản vay bằng Đồng Việt Nam chịu lãi suất trong khoảng từ 7%/năm đến 8,8%/năm (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015; từ 7%/năm đến 9%/năm). Các khoản vay này có thời hạn vay từ 4 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp để tài trợ vốn lưu động có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,87% đến 1% (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015; từ 0,87%/tháng đến 1%/tháng).

VAY DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng	109.798.096.497	109.798.096.497	32.309.700.005	13.836.209.504	128.271.586.998	128.271.586.998
Vay dài hạn cá nhân	27.551.016.627	27.551.016.627	615.971.236	4.895.397.648	23.271.590.215	23.271.590.215
	137.349.113.124	137.349.113.124	32.925.671.241	18.731.607.152	151.543.177.213	151.543.177.213

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

41.021.280.939
 110.521.896.274



Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho kinh doanh dịch vụ taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 11) và có thời hạn vay từ 48 tháng đến 96 tháng với lãi suất trong khoảng từ 7,7%/năm đến 10,5%/năm (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: từ 9%/năm đến 12%/năm).

Vay dài hạn cá nhân là các khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh xe taxi với thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,83% đến 1,17% (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: từ 1%/tháng đến 1,04%/tháng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	41.021.280.939	35.954.504.184
Trong năm thứ hai	35.121.073.706	30.926.164.527
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	74.212.822.568	68.818.444.413
Sau năm năm	1.188.000.000	1.650.000.000
	151.543.177.213	137.349.113.124
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(41.021.280.939)	(35.954.504.184)
Số phải trả sau 12 tháng	110.521.896.274	101.394.608.940

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại 01/01/2015	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	3.103.896.944	96.352.486.944
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.976.402.692	8.976.402.692
Tăng khác	-	-	-	48.655	48.655
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.439.630.500)	(5.439.630.500)
Số dư tại 31/12/2015	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	6.640.717.791	99.889.307.791
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.193.831.206	11.193.831.206
Tăng khác	-	-	-	7.553.643	7.553.643
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số dư tại 30/6/2016	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	17.042.102.640	110.290.692.640

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 18 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800.000.000 đồng và công bố chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5% và chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa hoàn tất thủ tục để chia cổ tức cho các cổ đông.

Cổ phiếu

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được duyệt và đã bán ra công chúng	9.279.261	9.279.261
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.279.261	9.279.261
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

Vốn cổ phần

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, vốn cổ phần của Công ty là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 92.792.610.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 30/6/2016			Tại ngày 31/12/2015		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
MLG	4.434.781	47,79	44.347.810.000	4.434.781	47,79	44.347.810.000
Ông Hồ Huy	1.174.380	12,66	11.743.800.000	1.174.380	12,66	11.743.800.000
Các Cổ đông khác	3.670.100	39,55	36.701.000.000	3.670.100	39,55	36.701.000.000
	9.279.261	100	92.792.610.000	9.279.261	100	92.792.610.000

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

22. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	106.602.022.721	84.269.862.566
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	83.772.536.855	63.798.049.433
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	600.000.000	1.205.571.849
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	1.730.164.372	1.918.054.552
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	6.500.904.544	5.983.889.721
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	9.497.500.927	7.740.021.711
Doanh thu từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	3.150.909.092	2.806.619.579
Doanh thu các dịch vụ khác	1.350.006.931	817.655.721
Các khoản giảm trừ doanh thu	(47.410.721)	(36.309.136)
Chiết khấu thương mại	(47.410.721)	(36.309.136)
	106.554.612.000	84.233.553.430

Chi tiết doanh thu từ các bên liên quan: Thuyết minh số 31.

23. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	72.993.500.500	50.713.316.969
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	12.397.333	179.343.455
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	1.241.788.251	1.811.884.112
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	5.532.120.279	5.816.514.631
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	3.687.482.116	3.018.331.400
Giá vốn cho thuê thương hiệu	3.150.909.092	2.806.619.579
	86.618.197.571	64.346.010.146

10-00
 HÃNH
 G TY
 ỆM HỮ
 ĐITT
 NAI
 HỒ

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.620.313.324	29.841.906.889
Chi phí nhân công	19.055.203.744	15.834.866.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.345.560.336	11.750.358.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.559.415.786	13.925.643.342
Chi phí khác	5.378.135.447	4.018.186.889
	96.958.628.637	75.370.962.522
25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	18.523.738	11.314.592
Lợi nhuận được chia từ công ty con	9.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	247.781.845	168.604.380
	9.266.305.583	179.918.972
26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.158.256.119	6.494.520.338
Dự phòng giảm giá các khoản đầu dài hạn	370.870.091	6.226.823.002
Chi phí hoạt động tài chính khác	120.562.115	100.527.466
	8.649.688.325	12.821.870.806
27. LỢI NHUẬN KHÁC	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.989.428.733	5.690.018.187
Khác	512.068.299	217.842.015
Thu nhập khác	2.501.497.032	5.907.860.202
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	2.288.236.762
Khác	793.718.005	372.424.188
Chi phí khác	793.718.005	2.660.660.950
Lợi nhuận khác	1.707.779.027	3.247.199.252



28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	11.920.379.648	(532.161.674)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	9.000.000.000	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	712.362.560	231.217.650
Thu nhập/(lỗ) tính thuế	3.632.742.208	(300.944.024)
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	726.548.442	-

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế (thuế suất kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.353.636.362	966.329.121

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Trong vòng một năm	4.461.818.182	102.036.364
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.887.272.727	939.272.727
	15.349.090.909	1.041.309.091

Các khoản thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê xe cho dịch vụ taxi với thời gian thuê là 5 năm.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 trừ tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản vay chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016		
VND	200	(3.670.800.621)
VND	<u>(200)</u>	<u>3.670.800.621</u>
Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015		
VND	200	(2.397.319.036)
VND	<u>(200)</u>	<u>2.397.319.036</u>

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>30/6/2016</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	8.658.475.793	-	-	8.658.475.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.580.344.089	-	-	51.580.344.089
Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn	<u>5.680.609.722</u>	<u>886.475.009</u>	-	<u>6.567.084.731</u>
	<u>65.919.429.604</u>	<u>886.475.009</u>	-	<u>66.805.904.613</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	73.018.134.767	109.333.896.274	1.188.000.000	183.540.031.041
Phải trả người bán và phải trả khác	39.569.577.270	50.841.998.173	-	90.411.575.443
Chi phí phải trả	<u>294.615.533</u>	-	-	<u>294.615.533</u>
	<u>112.882.327.570</u>	<u>160.175.894.447</u>	<u>1.188.000.000</u>	<u>274.246.222.017</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(46.962.897.966)</u>	<u>(159.289.419.438)</u>	<u>(1.188.000.000)</u>	<u>(207.440.317.404)</u>

<u>31/12/2015</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tài sản tài chính			
Tiền	5.764.631.916	-	5.764.631.916
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.351.897.787	-	34.351.897.787
Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn	2.354.970.711	1.363.032.771	3.718.003.482
	42.471.500.414	1.363.032.771	43.834.533.185
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	69.112.286.987	101.394.608.940	170.506.895.927
Phải trả người bán và phải trả khác	16.937.048.049	10.333.796.885	27.270.844.934
Chi phí phải trả	210.000.000	-	210.000.000
	86.259.335.036	111.728.405.825	197.987.740.861
Chênh lệch thanh khoản thuần	(43.787.834.622)	(110.365.373.054)	(154.153.207.676)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự cam kết tái cấu trúc mạnh mẽ, cũng như nguồn tiền từ hoạt động taxi hàng ngày và từ các khoản vay ngân hàng, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)
 Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk
 Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ
 Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh
 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam
 Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh
 Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh
 Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông
 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang
 Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô
 Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai
 Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh
 Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động
 Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh
 Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh
 Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh
 Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh
 Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh

Mối quan hệ

Cổ đông chính
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty thành viên trong MLG
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch



Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh
 Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh
 Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh
 Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh
 Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy
 Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng
 Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình

Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty đồng Chủ tịch
 Công ty liên quan
 Công ty liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	7.590.641	116.713.669
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	272.727.273	272.727.273
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1.564.944.920	1.500.865.364
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	599.275.259	487.792.982
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	365.424.278	350.909.091
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.236.348.778	909.214.987
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	11.227.005	12.007.575
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	40.317.912	390.909.089
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	13.374.733	9.090.909
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	38.704.278	18.181.818
	4.149.935.077	4.068.412.757
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	9.587.958.453	8.197.010.937
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	-	45.454.545
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	-	9.090.909
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	3.818.182	106.240.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	-	3.090.909
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	-	32.727.200
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Nông	-	4.545.455
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	285.836.675	6.222.728
	9.877.613.310	8.404.382.683
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ Phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	94.717.891	-
	94.717.891	-
	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 *đến 30/6/2015 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	94.500.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	2.272.727	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	9.528.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	-	340.599.120
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	-	1.970.774.000
	106.300.727	2.311.373.120



CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	7.654.106.121	7.553.577.361
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	-	112.680.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	2.363.636	-
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	973.636	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	-	29.152.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	-	1.760.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	-	110.261.820
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	29.686.736	-
	7.687.130.129	7.807.431.181
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ Phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	2.353.636.362	358.545.455
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hồ Huy	2.201.100.000	905.960.000
	4.554.736.362	1.264.505.455
Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	-	1.790.909.093
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	-	2.372.727.276
	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Cho vay		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	1.000.000.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	1.300.000.000	-
	5.300.000.000	-
Đầu tư		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	8.380.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	-	6.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh KonTum	-	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	-	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	19.970.496.000	4.574.433.000
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	-	680.000.000
	28.350.496.000	19.254.433.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư		
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	6.000.000.000	-

1.001.12
 CHI
 CỔ
 RÁCH N
 DEI
 VIỆ
 VI-1

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	2.168.735.371	1.008.670.606
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.773.694.503	1.487.694.503
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	7.999.100.837	4.127.097.537
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	1.077.314.168	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	1.422.348.831	20.806.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	6.375.395.208	3.443.249.979
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	2.160.717.269	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	1.318.180.873	1.518.166.108
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	1.203.262.206	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	2.574.706	-
	<u>25.501.323.972</u>	<u>11.605.684.733</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	18.920.744.267	11.557.755.102
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.297.818.727	2.297.818.727
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	136.904.005	63.086.081
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	13.607.000	13.607.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	464.000.000	23.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	61.940.319	61.940.319
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1.357.867.543	1.357.995.889
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	4.363.747	4.363.747
	<u>26.386.107.337</u>	<u>18.508.428.594</u>
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	-	19.970.496.000
	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	1.995.001.562	596.664.562
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	414.000.000	435.000.000
	<u>2.409.001.562</u>	<u>1.031.664.562</u>
Phải trả khác		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	30.764.000	* 28.264.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	1.304.846.663	4.201.315.667
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	489.989.438	182.504.904
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	574.370.689	664.691.920
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	8.232.632.651	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	565.974.638	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	10.420.516	2.955.575
	<u>11.208.998.595</u>	<u>5.079.732.066</u>

500-0
 NHÁN
 NG T
 HIỆM H
 QUIT
 T NAI
 P. HỒ

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	6.200.109.660	-
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	1.360.000
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	-	2.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	60.299.800	60.299.800
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	-	195.686.590
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	4.290.000	4.290.000
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	-	20.405.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	23.933.234	23.933.234
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	48.000.000	48.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắc Lắc	170.000	170.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	-	13.677.600
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	-	16.430.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắc Nông	10.854.131	10.854.131
	<u>6.349.016.825</u>	<u>397.106.355</u>
Cho vay ngắn hạn, dài hạn		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.354.970.711	1.354.970.711
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	1.746.367.355	843.032.771
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	465.746.665	520.000.000
	<u>6.567.084.731</u>	<u>3.718.003.482</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.786.440.000	1.019.700.000
Các khoản phúc lợi khác	806.500.000	250.000.000
	<u>2.592.940.000</u>	<u>1.269.700.000</u>

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm 102.615.522 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng) là số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 570.314.859 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng), là số tiền phát sinh từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong kỳ nhưng chưa được thu hồi. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải thu.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 1.499.999.997 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng), là số tiền phát sinh từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong kỳ mà được thu hồi bằng cách cân trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm 8.380.000.000 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 2.500.000.000 đồng), là số tiền dùng để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (công ty con) nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm 19.970.496.000 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng), là số tiền dùng để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (bên liên quan) từ Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (bên liên quan) bằng cách cân trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải thu.

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 6.000.000.000 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng), là số tiền chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (bên liên quan) cho Công ty TNHH Mai Linh Hội An (công ty con) và được thu hồi bằng cách cân trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 9.000.000.000 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng), là số tiền lợi nhuận được chia từ các công ty con phát sinh trong kỳ nhưng chưa được thu hồi. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 247.781.845 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 168.604.380 đồng) là tiền lãi cho vay phát sinh trong kỳ được thu hồi bằng cách cân trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải thu.

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng



Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

